

Số: /KH-BGDĐT

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

**KẾ HOẠCH****Thực hiện Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em  
giai đoạn 2021-2030 của ngành Giáo dục**

Thực hiện Quyết định số 23/QĐ-TTg ngày 07/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2021-2030 (sau đây gọi tắt là Chương trình), Bộ Giáo dục Đào tạo (GDĐT) ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2021-2030 của ngành Giáo dục với các nội dung cụ thể như sau:

**I. MỤC TIÊU****1. Mục tiêu chung**

Đảm bảo thực hiện các quyền trẻ em, phát triển toàn diện trẻ em về đạo đức, tri thức, văn hóa, sức khỏe, thẩm mỹ và mối quan hệ xã hội, phát huy tối đa tiềm năng của trẻ; tạo lập môi trường sống an toàn, lành mạnh và thân thiện cho trẻ em; giảm thiểu sự bất bình đẳng về cơ hội tiếp cận thông tin, các dịch vụ xã hội và tham gia các hoạt động xã hội của trẻ em giữa các vùng miền, nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng nguồn nhân lực cho phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế, nâng cao chất lượng cuộc sống và tạo cơ hội phát triển bình đẳng cho trẻ em.

**2. Mục tiêu cụ thể****2.1. Giai đoạn 2021-2025.**

- Chỉ tiêu số 1: Phần đầu 100% cơ sở giáo dục có nhà vệ sinh cho trẻ em vào năm 2025, trong đó có 85% nhà vệ sinh đảm bảo tiêu chuẩn hợp vệ sinh.
- Chỉ tiêu số 2: Phần đầu có ít nhất 35% trẻ em nhà trẻ và 95% trẻ em mẫu giáo trong cơ sở giáo dục mầm non được tiếp cận nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục để phát triển toàn diện.
- Chỉ tiêu số 3: Tỷ lệ huy động trẻ em 5 tuổi đi học mẫu giáo đạt 99.1%.
- Chỉ tiêu số 4: Tỷ lệ trẻ em hoàn thành cấp tiểu học đạt 97% phần đầu giảm tỷ lệ trẻ em bỏ học bậc tiểu học dưới 0,12%.
- Chỉ tiêu số 5: Tỷ lệ trẻ em hoàn thành cấp trung học cơ sở 88% phần đầu giảm tỷ lệ trẻ em bỏ học cấp trung học cơ sở dưới 0,14%.
- Chỉ tiêu số 6: Phần đầu 95% số cơ sở giáo dục có dịch vụ hỗ trợ tâm lý trẻ em.
- Chỉ tiêu số 7: Tỷ lệ trường học có cơ sở hạ tầng và tài liệu phù hợp với trẻ em khuyết tật đạt 55%. Tỷ lệ trẻ em khuyết tật có nhu cầu học tập được tiếp cận giáo dục chuyên biệt, giáo dục hòa nhập và hỗ trợ phục hồi chức năng phù hợp đạt 80%.

## 2.2. Giai đoạn 2025 - 2030.

- Chỉ tiêu số 1: Phần đầu 100% cơ sở giáo dục có nhà vệ sinh cho trẻ em vào năm 2030, trong đó có 95% nhà vệ sinh đảm bảo tiêu chuẩn hợp vệ sinh.
- Chỉ tiêu số 2: Phần đầu có ít nhất 40% trẻ em nhà trẻ và 97% trẻ em mẫu giáo trong cơ sở giáo dục mầm non được tiếp cận nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục để phát triển toàn diện.
- Chỉ tiêu số 3: Tỷ lệ huy động trẻ em 5 tuổi đi học mẫu giáo đạt 99.3%.
- Chỉ tiêu số 4: Tỷ lệ trẻ em hoàn thành cấp tiểu học đạt 99% phần đầu giảm tỷ lệ trẻ em bỏ học bậc tiểu học dưới 0,1%.
- Chỉ tiêu số 5: Tỷ lệ trẻ em hoàn thành cấp trung học cơ sở 93% phần đầu giảm tỷ lệ trẻ em bỏ học cấp trung học cơ sở dưới 0,05%.
- Chỉ tiêu số 6: Phần đầu 100% số cơ sở giáo dục có dịch vụ hỗ trợ tâm lý trẻ em .
- Chỉ tiêu số 7: Tỷ lệ trường học có cơ sở hạ tầng và tài liệu phù hợp với trẻ em, sinh viên khuyết tật đạt 60% . Tỷ lệ trẻ em khuyết tật có nhu cầu học tập được tiếp cận giáo dục chuyên biệt, giáo dục hòa nhập và hỗ trợ phục hồi chức năng phù hợp đạt 90%.

## II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

### 1. Tăng cường công tác chỉ đạo, hướng dẫn triển khai, thực hiện các chỉ tiêu của Kế hoạch

a) Tăng cường sự chỉ đạo, hướng dẫn của các cấp quản lý đối với việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu của Kế hoạch thông qua việc xây dựng các chương trình, kế hoạch cụ thể hàng năm về công tác giáo dục trẻ em; lồng ghép các chỉ tiêu về giáo dục trẻ em trong các chương trình, đề án, dự án và xác định cụ thể cơ chế, nguồn lực để thực hiện có hiệu quả.

b) Đổi mới công tác quản lý, kiểm tra đánh giá ở các cơ sở giáo dục phổ thông: Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền trong việc phát triển giáo dục. Đẩy mạnh xã hội hóa trong giáo dục; tăng cường đầu tư về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, học liệu.

c) Rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông theo hướng dẫn của Bộ GDĐT, đảm bảo hiệu quả theo yêu cầu của Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 và Nghị quyết 08/NQ-CP ngày 24/01/2018, các quy định pháp luật.

### 2. Triển khai, thực hiện chính sách, giải pháp nhằm giảm thiểu tình trạng trẻ em bỏ học đặc biệt là trẻ em vùng dân tộc thiểu số và miền núi, trẻ em khuyết tật và trẻ em có hoàn cảnh khó khăn; duy trì mở rộng các trường bán trú, dân tộc nội trú

a) Tiếp tục quán triệt sâu sắc các Nghị quyết, Chỉ thị của Đảng, chính sách của Nhà nước về công tác giáo dục và đào tạo, đặc biệt quan tâm đến đối tượng trẻ em vùng dân tộc thiểu số và miền núi, trẻ em khuyết tật và trẻ em có hoàn cảnh khó khăn.

b) Ban hành Chỉ thị, Nghị quyết, cơ chế, chính sách để huy động các nguồn lực tích cực vận động trẻ em đi học, trẻ em bỏ học trở lại trường, hỗ trợ những gia đình khó khăn để trẻ em được đến trường. Đưa tiêu chí giảm tỉ lệ trẻ em bỏ học vào các Chỉ thị, Nghị quyết và xem đây là một trong các tiêu chí thi đua các cấp.

c) Duy trì, củng cố và không ngừng nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, xoá mù chữ tại địa phương, trong đó các nhà trường thường xuyên cập nhật, tổng hợp số liệu và phân loại trẻ em có nguy cơ bỏ học để có giải pháp khắc phục kịp thời đối với từng trường hợp cụ thể. Duy trì mở rộng các trường bán trú, dân tộc nội trú. Đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá để nâng cao chất lượng hiệu quả giảng dạy, khơi gợi niềm đam mê, hứng thú học tập của trẻ em.

### **3. Phát triển hệ thống dịch vụ bảo vệ trẻ em, hỗ trợ tâm lý trẻ em trong trường học có cơ chế phối hợp với các dịch vụ y tế, tư pháp và các dịch vụ an sinh xã hội, xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, thân thiện không có bạo lực**

a) Nghiên cứu, xây dựng văn bản hướng dẫn thực hiện dịch vụ hỗ trợ tâm lý trẻ em trong trường học, phát triển mô hình đối thoại học đường để thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em trong trường học.

b) Xây dựng và phát triển mạng lưới, mô hình cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em, hỗ trợ tâm lý trẻ em trong trường học có sự lồng ghép, phối hợp, chuyển tuyến liên ngành, liên cấp. Xây dựng, triển khai các mô hình góp phần bảo đảm môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện và phòng, chống bạo lực học đường.

c) Đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ, giáo viên phụ trách tư vấn tâm lý trong trường học để nâng cao chất lượng hoạt động tư vấn hỗ trợ tâm lý cho trẻ em trong các cơ sở giáo dục.

d) Đa dạng sản phẩm và các hình thức truyền thông, giáo dục về bảo vệ trẻ em, tư vấn tâm lý cho trẻ em trường học. Hình thức truyền thông, giáo dục phù hợp với điều kiện của kinh tế - xã hội của địa phương, nhà trường, theo hướng kết hợp giữa công nghệ hiện đại và trực tiếp, truyền thống.

### **4. Tăng cường hoạt động vận động cho trẻ em**

a) Triển khai thực hiện đầy đủ chương trình môn học Giáo dục thể chất (GDTC) trong chương trình giáo dục phổ thông năm 2018; tích hợp lồng ghép các nội dung về vận động có sự tham gia của trẻ em.

b) Đổi mới nội dung, hình thức tổ chức hoạt động thể thao cho trẻ em theo hướng đa dạng, phong phú, phù hợp với điều kiện cụ thể của từng địa phương, nhà trường, đặc điểm tâm sinh lý, lứa tuổi và trình độ của trẻ em. Củng cố và phát triển hệ thống thi đấu thể thao các cấp phù hợp với điều kiện cụ thể của từng địa phương, vùng miền, kết hợp với sinh hoạt, giao lưu văn hóa, đáp ứng nhu cầu vui chơi giải trí của trẻ em.

c) Tổ chức phong trào dạy và học bơi, giáo dục kiến thức, kỹ năng phòng tránh tai nạn thương tích, đuối nước cho trẻ em trong các cơ sở giáo dục phổ thông, chú trọng các địa phương ven biển, địa phương có nhiều sông, hồ, suối, kênh, rạch, vùng bị ảnh hưởng nhiều bởi thiên tai, lũ lụt.

### **5. Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị và tài liệu cho các cơ sở giáo dục**

a) Xây dựng hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú; xây dựng hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt dành cho trẻ khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hoà nhập; xây dựng chương trình, sách giáo khoa cho trẻ em khuyết tật; hỗ trợ kinh phí cho trẻ em thuộc diện chính sách, trẻ em khuyết tật và trẻ em có hoàn cảnh khó khăn.

b) Rà soát hiện trạng công trình nước sạch và khu vệ sinh trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn, đề xuất kiến nghị Ủy ban nhân dân các cấp tại địa phương tăng cường nguồn lực để đảm bảo các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở có đủ công trình vệ sinh và nước sạch đáp ứng cho trẻ em.

c) Rà soát danh mục nhu cầu đầu tư bổ sung phòng học, phòng học bộ môn, thư viện, khối phòng phục vụ học tập hiện có tại các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở. Chú trọng tới cơ sở hạ tầng và tài liệu giảng dạy, học tập phù hợp với trẻ em khuyết tật.

## **III. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

Kinh phí thực hiện Kế hoạch bao gồm:

- Ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán ngân sách hằng năm.
- Nguồn chi thường xuyên của cơ sở giáo dục.
- Các nguồn xã hội hóa hợp pháp khác.

## **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Đối với các đơn vị thuộc Bộ GDĐT**

a) Vụ Giáo dục Thể chất (GDTC): là đơn vị đầu mối tham mưu Lãnh đạo Bộ GDĐT chỉ đạo triển khai Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2021-2030 của ngành Giáo dục và chỉ đạo, hướng dẫn các Sở Giáo dục và Đào tạo<sup>1</sup> triển khai, thực hiện các chỉ tiêu đặt ra.

- Hằng năm, có hướng dẫn cho các Sở Giáo dục và Đào tạo triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Chủ trì, phối hợp với các Vụ Giáo dục Mầm non, Vụ Giáo dục Tiểu học, Vụ Giáo dục Trung học, Vụ Giáo dục Chính trị và Công tác học sinh, sinh viên, Cục Cơ sở Vật chất và Thường trực Ban Chỉ đạo Giáo dục trẻ khuyết tật và trẻ em có hoàn cảnh khó khăn triển khai thực hiện Kế hoạch hằng năm.

- Phối hợp, lồng ghép kiểm tra, đánh giá việc triển khai, thực hiện Kế hoạch tại các địa phương; hằng năm báo cáo lãnh đạo Bộ GDĐT và tổng kết báo cáo Chính phủ kết quả thực hiện Chương trình 5 năm giai đoạn 2021-2025; 2025-2030.

<sup>1</sup>.Sở Giáo dục, Khoa học và Công nghệ Bạc Liêu

b) Các đơn vị hướng dẫn các Sở Giáo dục và Đào tạo, cơ sở giáo dục phổ thông trong việc triển khai, thực hiện chỉ tiêu của Kế hoạch; phối hợp xây dựng báo cáo lãnh đạo Bộ GDĐT và báo cáo Chính phủ theo quy định, cụ thể:


- Cục Cơ sở Vật chất: hướng dẫn thực hiện chỉ tiêu số 1.
- Vụ Giáo dục Mầm non: hướng dẫn thực hiện chỉ tiêu số 2 và số 3.
- Vụ Giáo dục Tiểu học: hướng dẫn thực hiện chỉ tiêu số 4.
- Vụ Giáo dục Trung học: hướng dẫn thực hiện chỉ tiêu số 5.
- Vụ Giáo dục Chính trị và công tác học sinh, sinh viên: hướng dẫn thực hiện chỉ tiêu 6.
- Thường trực Ban Chỉ đạo giáo dục người khuyết tật và trẻ em có hoàn cảnh khó khăn: hướng dẫn thực hiện chỉ tiêu 7.
- Vụ Pháp chế: hướng dẫn trong việc triển khai kiểm tra thực hiện các quy định của Luật Trẻ em và pháp luật liên quan liên quan đến trẻ em.
- Vụ Kế hoạch - Tài chính: phối hợp, hướng dẫn việc lập dự toán và bảo đảm kinh phí hằng năm để thực hiện nhiệm vụ theo quy định (bắt đầu từ năm 2022).

## **2. Các Sở Giáo dục và Đào tạo**

a) Hướng dẫn các cơ sở giáo dục phổ thông triển khai, thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp và chỉ tiêu của Kế hoạch.

b) Xây dựng Chương trình thực hiện từng năm và giai đoạn 2021-2025; 2025-2030 tại địa phương; phối hợp với các cơ quan, ban, ngành liên quan trên địa bàn triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch của Ngành.

c) Phối hợp với Ủy ban Nhân dân cấp quận/huyện chỉ đạo, hướng dẫn các Phòng GDĐT và cơ sở giáo dục trực thuộc triển khai thực hiện Kế hoạch trong từng năm học. Tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch vào 31 tháng 5 hằng năm về Bộ GDĐT (qua Vụ GDTC) để tổng hợp, báo cáo lãnh đạo Bộ.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2021-2030 của ngành Giáo dục. Trong quá trình triển khai, thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các Sở GDĐT cần phản ánh về Bộ GDĐT để giải quyết kịp thời. 

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Ngô Thị Minh**

### **Nơi nhận:**

- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng (để p/h);
- Bộ LĐTBXH (để p/h);
- Ủy ban VHGD-TNTN&NĐ của Quốc hội;
- UBND các tỉnh, thành phố (để p/h);
- Sở GDĐT các tỉnh, thành phố (để p/h);
- Các đơn vị thuộc Bộ GDĐT (để t/h);
- Cổng Thông tin điện tử của Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, Vụ GDTC.

**BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****PHỤ LỤC CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG QUỐC GIA VÌ TRẺ EM 2021-2030***(Kèm theo Kế hoạch số **4254**/KH – BGDDĐT ngày **26** tháng **11** năm 2021)*

<b>TT</b>	<b>Nhiệm vụ</b>	<b>Thời gian</b>	<b>Sản phẩm hoàn thành</b>	<b>Đơn vị chủ trì</b>	<b>Đơn vị phối hợp</b>
<b>I</b>	<b>Giai đoạn 2021-2025</b>				
1	Kiểm tra, rà soát, hỗ trợ kỹ thuật, công nhận duy trì đạt chuẩn PCGDMNTNT và đánh giá kết quả huy động trẻ em mẫu giáo 5 tuổi đến cơ sở GDMN.	2022	Báo cáo đánh giá	Vụ GDMN	Các DV có liên quan thuộc Bộ
2	Hướng dẫn thực hiện Chương trình GDMN thể hiện quan điểm giáo dục tích hợp, toàn diện, lấy trẻ làm trung tâm.	2022	Công văn triển khai; Tài liệu hướng dẫn, Hội thảo - Tập huấn	Vụ GDMN	Một số trường CD, DH và chuyên gia Các tỉnh, TP
3	Triển khai xây dựng Đề án phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo (3 và 4 tuổi) và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi.	2023	Quyết định phê duyệt của Thủ tướng	Vụ GDMN	Các Bộ, ngành liên quan; các Vụ/Cục: PC, KHTC, GDDT, CSVVC, NG&CBQL.
4	Hướng dẫn tổ chức hoạt động cho trẻ học qua thực hành, trải nghiệm phù hợp điều kiện địa phương (tiếp cận giáo dục STEM).	2022	Hội thảo - Tập huấn và hỗ trợ kỹ thuật triển khai;	Vụ GDMN	Một số trường CD, DH và chuyên gia Các tỉnh, TP
5	Hướng dẫn các Sở GDĐT tham mưu UBND tỉnh, thành phố thực hiện hiệu quả công tác phổ cập giáo dục tiểu học.	Đầu năm học	Văn bản hướng dẫn	Vụ GDTH	
6	Kiểm tra, công nhận một số tỉnh, thành phố được nâng chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học.	Trong năm học	Quyết định công nhận đạt chuẩn PCGDTH	Vụ GDTH	Ban TGTW, Vụ GDTH, Vụ GDTX, Vụ GDMN
7	Báo cáo về công tác thực hiện phổ cập giáo dục tiểu học tại địa phương, trong đó xem xét chỉ tiêu về tỉ lệ trẻ em hoàn thành cấp tiểu học và tỉ lệ trẻ em bỏ học ở cấp tiểu học.	Cuối năm học	Báo cáo	Vụ GDTH	Các Sở GDĐT
8	Chủ trì tham mưu xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định phê duyệt Quy hoạch hệ	2022	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Ban CD GDTKT	Các đơn vị liên quan

TT	Nhiệm vụ	Thời gian	Sản phẩm hoàn thành	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
	thông cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hoà nhập thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.			&TECH CKK	
9	Xây dựng, ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hoà nhập	2022	Thông tư của Bộ trưởng Bộ GDĐT	Ban CD GDĐT &TECH CKK	Các đơn vị liên quan
10	Nghiên cứu, rà soát các văn bản hướng dẫn thực hiện dịch vụ hỗ trợ tâm lý trẻ trong trường học	2022	Báo cáo rà soát	Vụ GDCT& CTHSSV	Vụ GDTC và các đơn vị liên quan
11	Xây dựng tài liệu, tổ chức tập huấn, hội thảo, hội nghị, tọa đàm đề đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ, giáo viên phụ trách tư vấn tâm lý trong trường học	2022	Tập huấn, hội thảo, hội nghị, tọa đàm được tổ chức	Vụ GDCT& CTHSSV	Vụ GDTC và các đơn vị liên quan
12	Xây dựng các tài liệu, học liệu tuyên truyền, giáo dục và hướng dẫn lòng ghép phòng chống bạo lực học đường, xâm hại tình dục, bạo lực gia đình vào Chương trình giáo dục phổ thông mới theo lộ trình.	2023	Tài liệu, học liệu được thẩm định	Vụ GDCT& CTHSSV	Vụ GDTC và các đơn vị liên quan
13	Xây dựng tài liệu hướng dẫn các cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện quyền trẻ em.	2022	Tài liệu	Vụ GDTC	Các đơn vị liên quan
14	Hướng dẫn các sở GDĐT thực hiện quyền trẻ em triển khai theo Quyết định 23/QĐ-TTg	2022	Tập huấn Tài liệu	Vụ GDTC	Các đơn vị liên quan
15	Kiểm tra việc thực hiện quyền trẻ em tại các cơ sở giáo dục.	Hàng năm	Báo cáo các đoàn kiểm tra	Vụ GDTC	Các đơn vị liên quan
16	Báo cáo tổng kết hàng năm về thực hiện Kế hoạch	Hàng năm	Báo cáo	Vụ GDTC	Các đơn vị liên quan
17	Xây dựng bài tập vận động cho trẻ em Tiểu học và Trung học cơ sở	2022	Bài tập, tổ chức tập huấn	Vụ GDTC	Các đơn vị liên quan
18	Tổng kết thực hiện chương trình hành động quốc gia vì trẻ em ngành Giáo dục	2025	Hội nghị tổng kết	Vụ GDTC	Các đơn vị liên quan
<b>II</b>	<b>Giai đoạn 2025-2030</b>				
1	Tổ chức kiểm tra, đánh giá, kết quả thực hiện Đề án phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo (3 và	2026	Quyết định công nhận đạt chuẩn	Vụ GD MN	Các DV có liên quan thuộc Bộ

TT	Nhiệm vụ	Thời gian	Sản phẩm hoàn thành	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
	4 tuổi) và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi.				
2	Hướng dẫn thực hiện thực hiện Chương trình GDMN ở vùng khó.	2026	Công văn triển khai; Tài liệu hướng dẫn, Hội thảo - Tập huấn	Vụ GDMN	Một số trường CP, DH và chuyên gia Các tỉnh, TP
3	Hướng dẫn các Sở GDĐT tham mưu UBND tỉnh, thành phố thực hiện hiệu quả công tác phổ cập giáo dục tiểu học.	Đầu năm học	Văn bản hướng dẫn	Vụ GDTH	Các đơn vị liên quan
4	Kiểm tra, công nhận một số tỉnh, thành phố được nâng chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học.	Trong năm học	Quyết định công nhận đạt chuẩn PCGDTH	Vụ GDTH	Ban TG TW, Vụ GDTrH, Vụ GDTX, Vụ GDMN
5	Báo cáo việc thực hiện phổ cập giáo dục tiểu học tại địa phương, trong đó xem xét chỉ tiêu về tỉ lệ trẻ em hoàn thành cấp tiểu học và tỉ lệ trẻ em bỏ học ở cấp tiểu học.	Cuối năm học	Báo cáo	Vụ GDTH	Các Sở GDĐT
6	Hướng dẫn, chỉ đạo triển khai, kiểm tra giám sát thực hiện Quy hoạch hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hoà nhập thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.	Hàng năm	Công văn hướng dẫn, kế hoạch thành lập các cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với NKT và trung tâm HTPPTGDHN	Ban CD GDTKT & TECH CKK	Các đơn vị liên quan
7	Xây dựng và ban hành các văn bản và tài liệu hướng dẫn thực hiện dịch vụ hỗ trợ tâm lý trẻ trong trường học.	2025	Văn bản được ban hành	Vụ GDCT&CTHSSV	Vụ GDTC và các đơn vị liên quan
8	Xây dựng ứng dụng công nghệ thông tin thu nhận, thông kê các nội dung, tiêu chí thuộc Chương trình của ngành giáo dục	2026	Ứng dụng được xây dựng	Vụ GDCT&CTHSSV	Vụ GDTC và các đơn vị liên quan
9	Kiểm tra việc thực hiện quyền trẻ em tại các cơ sở giáo dục	Hàng năm	Báo cáo các đoàn kiểm tra	Vụ GDTC	Các đơn vị liên quan
10	Báo cáo tổng kết hàng năm về thực hiện chương trình hành động quốc gia vì trẻ em ngành Giáo dục	Hàng năm	Báo cáo	Vụ GDTC	Các đơn vị liên quan
11	Tổng kết thực hiện chương trình hành động quốc gia vì trẻ em ngành Giáo dục	2030	Hội nghị tổng kết	Vụ GDTC	Các đơn vị liên quan